

XÂY DỰNG HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA NHIỀU BỘ TIÊU CHUẨN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG CẤP CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO KHÁC NHAU

ĐỖ KHOA THÚY KHA

Phòng Tổ chức-Hành chính, Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh;
dokhoathuykha@iuh.edu.vn

DOIs: <https://doi.org/10.46242/jstiuh.v63i03.4829>

Abstract. Bảo đảm chất lượng trong giáo dục đại học đã và đang trở thành điều kiện bắt buộc để duy trì chương trình đào tạo ở nước ta. Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hiện nay có 10 tổ chức kiểm định/ đánh giá chất lượng của khu vực và quốc tế hoạt động ở Việt Nam và trong những năm gần đây, xu hướng các trường đại học của Việt Nam tìm kiếm sự công nhận của nhiều tổ chức kiểm định trong và ngoài nước đang tăng lên. Xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong mạnh mẽ là giải pháp để bảo đảm chất lượng một cách bền vững ở các cơ sở giáo dục. Bài báo này nghiên cứu về hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong của trường đại học, phân tích các bộ tiêu chuẩn kiểm định của các tổ chức kiểm định đang hoạt động tại Việt Nam và đề xuất các giải pháp xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong của trường ĐHCN Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu của nhiều bộ tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng.

Keywords. Bảo đảm chất lượng, Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong, Kiểm định chất lượng.

1. MỞ ĐẦU

1.1. Đặt vấn đề

Bảo đảm chất lượng (BĐCL) và kiểm định chất lượng ở các trường Đại học là một vấn đề được Nhà nước quan tâm sâu sắc, thể hiện trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018 (Quốc hội, 2018). Khoản 1 Điều 49 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học năm 2018 quy định “BĐCL giáo dục đại học là quá trình liên tục, mang tính hệ thống, bao gồm các chính sách, cơ chế, tiêu chuẩn, quy trình, biện pháp nhằm duy trì và nâng cao chất lượng giáo dục đại học” và trách nhiệm của cơ sở giáo dục đại học (CSGDĐH) được quy định rõ trong Điều 50 của Luật này, theo đó cơ sở giáo dục đại học có trách nhiệm “Xây dựng và phát triển hệ thống BĐCL giáo dục bên trong cơ sở giáo dục đại học phù hợp với sứ mạng, mục tiêu và điều kiện thực tế của CSGDĐH” và “Tự đánh giá, cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo; định kỳ đăng ký kiểm định chương trình đào tạo và kiểm định CSGDĐH. CSGDĐH không thực hiện kiểm định chương trình theo chu kỳ kiểm định hoặc kết quả kiểm định chương trình không đạt yêu cầu phải cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo, bảo đảm cho người học đáp ứng chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Sau 02 năm, kể từ ngày giấy chứng nhận kiểm định chất lượng đào tạo hết hạn hoặc từ ngày có kết quả kiểm định không đạt yêu cầu, nếu không thực hiện kiểm định lại chương trình hoặc kết quả kiểm định lại vẫn không đạt yêu cầu thì CSGDĐH phải dừng tuyển sinh đối với chương trình đào tạo đó và có biện pháp bảo đảm quyền lợi cho người học.” Có thể nói theo quy định của Luật này, xây dựng hệ thống BĐCL bên trong và kiểm định chất lượng giáo dục định kỳ là điều kiện tất yếu để một CSGDĐH tồn tại. Trong đó, hệ thống BĐCL bên trong của một CSGDĐH phải đủ vững mạnh để có thể tự đánh giá, cải tiến và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng yêu cầu để có thể đạt chứng nhận kiểm định chất lượng cấp chương trình đào tạo và cấp CSGDĐH.

Trong xu hướng hội nhập và phát triển đa dạng như hiện nay, các CSGDĐH cần phải tham gia vào nhiều tổ chức, mạng lưới ở cấp độ địa phương, quốc gia, khu vực và thế giới để tạo môi trường học tập, trải nghiệm phong phú cho người học và nâng cao cơ hội có việc làm cho người học tốt nghiệp và mở rộng phạm vi làm việc hoặc học tập lên cao của người học tốt nghiệp. Một trong những biện pháp nhanh chóng và hiệu quả để làm được việc này là tham gia kiểm định chất lượng giáo dục với nhiều tổ chức bảo đảm chất lượng có uy tín trong nước, khu vực và quốc tế. Thực tế là mỗi khung bảo đảm chất lượng, mỗi bộ tiêu chuẩn hay quan điểm đánh giá/kiểm định chất lượng giáo dục của mỗi tổ chức đều có nhiều điểm khác

nhau. Đây là một thách thức đối với những CSGDDH tìm kiếm sự công nhận của nhiều tổ chức đánh giá/kiểm định chất lượng khác nhau.

Nhiều tác giả trong và ngoài nước đã có nhiều nghiên cứu về BĐCL bên trong và các phương pháp hình thành, phát triển và vận hành hệ thống BĐCL bên trong hiệu quả. Tạ Thị Thu Hiền và Nguyễn Thị Thu Hương đã kết luận rằng BĐCL bên trong có mối quan hệ hữu cơ và phụ thuộc qua lại với văn hóa chất lượng của một CSGDDH (Hien & Hương, 2022). Nói cách khác xây dựng, phát triển và vận hành hệ thống BĐCL bên trong có thể làm hình thành và lan tỏa văn hóa chất lượng trong CSGDDH, từ đó nâng cao chất lượng giáo dục liên tục. Theo Michaela, ở nhiều quốc gia, các CSGDDH thường tái cấu trúc cơ cấu và quy trình quản lý tùy theo cơ chế bảo đảm chất lượng bên trong của họ, trong đó có việc sử dụng các chỉ số hiệu năng và chỉ tiêu chính để quản lý, đánh giá và nâng cao chất lượng (Michaela, 2018). Điều này cho thấy việc xây dựng và vận hành hệ thống BĐCL bên trong của các CSGDDH tuy có những nét tương đồng nhưng đều có những nét đặc trưng tùy thuộc vào tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu của từng CSGDDH, trong đó có mục tiêu về BĐCL giáo dục. Ansaah cho rằng BĐCL bên ngoài có ảnh hưởng đến BĐCL bên trong của các CSGDDH và ngược lại (Ansaah, 2016). Như vậy, nếu một CSGDDH muốn đạt chứng nhận của nhiều tổ chức BĐCL khác nhau thì hệ thống BĐCL bên trong của cơ sở đó phải được xây dựng và vận hành một cách phù hợp.

Bài báo này nghiên cứu về việc xây dựng, phát triển và vận hành hệ thống BĐCL bên trong của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiều bộ tiêu chuẩn BĐCL của các tổ chức kiểm định/bảo đảm chất lượng khác nhau ở cấp độ quốc gia, khu vực và quốc tế.

1.2. Các câu hỏi nghiên cứu

- Hệ thống BĐCL bên trong của một trường đại học gồm những gì? Hệ thống BĐCL bên trong muốn hoạt động hiệu quả thì cần đáp ứng các yếu tố nào?

- Hiện nay có các tổ chức kiểm định/đánh giá chất lượng nào đang hoạt động ở Việt Nam? Các tiêu chuẩn kiểm định/đánh giá của các tổ chức ấy là gì?

- Làm thế nào để nâng cao năng lực của hệ thống BĐCL bên trong của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh để đáp ứng đồng thời nhiều bộ tiêu chuẩn của các tổ chức kiểm định/đánh giá khác nhau?

2. HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG VÀ CÁC TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CỦA CÁC TỔ CHỨC KIỂM ĐỊNH/ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG ĐANG HOẠT ĐỘNG TẠI VIỆT NAM

2.1. Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong

2.1.1. Khái niệm bảo đảm chất lượng bên trong

Trong thuật ngữ về bảo đảm và kiểm định chất lượng của UNESCO (Vlăsceanu & et al, 2007), BĐCL bên trong được định nghĩa là “các hoạt động thực hành nội bộ nhằm giám sát và cải thiện chất lượng giáo dục đại học”. Michaela và Antony định nghĩa BĐCL bên trong là “các chính sách và cơ chế được thực hiện trong trường đại học hoặc chương trình đào tạo để đảm bảo rằng nó được thực hiện các mục đích riêng của mình và đáp ứng các tiêu chuẩn áp dụng cho giáo dục đại học nói chung hoặc các tiêu chuẩn nghề nghiệp” (Michaela & Antony, 2007). Theo Hiệp hội Đại học Châu Âu (European University Association, 2006) thì BĐCL bên trong là “hệ thống các chính sách và cơ chế để vận hành một trường đại học hoặc một chương trình giáo dục nhằm đảm bảo rằng nhà trường hoặc chương trình giáo dục đáp ứng đầy đủ các mục tiêu và chuẩn mực được áp dụng cho trường hoặc chương trình giáo dục”. Các định nghĩa của các tổ chức khác cũng có điểm tương đồng là BĐCL bên trong có tính bối cảnh và có thể khác nhau tùy thuộc vào khu vực, quốc gia hay thậm chí là các trường đại học khác nhau.

Một nghiên cứu cho thấy có nhiều cách hiểu khác nhau về BĐCL bên trong ở các CSGDDH (Michaela, 2018). Mặc dù đa số các CSGDDH đều đồng ý rằng BĐCL bên trong bao gồm các chính sách, quy trình, công cụ mà CSGDDH sử dụng để cải tiến liên tục và nâng cao chất lượng giáo dục của mình nhưng mục đích của BĐCL bên trong có thể được hiểu là nhằm tuân thủ các quy định của cơ quan quản lý cấp trên hoặc để cải tiến chất lượng; trọng tâm của BĐCL bên trong được cho là xoay quanh hoạt động dạy và học, tuy nhiên ở các CSGDDH khác nhau, các yếu tố khác cũng được xem xét chẳng hạn như khả năng có việc làm và quản lý sinh viên sau khi tốt nghiệp. Công cụ sử dụng để BĐCL bên trong cũng khác nhau ở các CSGDDH khác nhau, trong đó bảng hỏi khảo sát là công cụ phổ biến và được sử dụng ở tất cả các trường

đại học trong nghiên cứu của Micheala, tuy nhiên nội dung bảng hỏi có thể khác nhau ở các trường đại học. Một số trường đại học đã phát triển và sử dụng các công cụ khác như: Cuộc thăm dò phân tích giảng dạy (The teaching analysis poll), đánh giá chương trình bởi giảng viên và các bên liên quan bên ngoài, theo dõi sinh viên tốt nghiệp (Graduate tracer study), phân bổ chỉ tiêu (Target-level agreements), quy trình đo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo hoặc hồ sơ sinh viên.

Ở Việt Nam, mô hình và cách tiếp cận BDCL bên trong cũng rất đa dạng ở các CSGDDH khác nhau (Pham & Nguyen, 2021). Một số CSGD áp dụng cách tiếp cận theo mô hình chất lượng phù hợp căn cứ vào tầm nhìn, sứ mạng của CSGDDH và yêu cầu của các bên liên quan của họ. Mô hình này chủ yếu được xây dựng dựa trên chu trình PDCA (Plan – Do – Check – Act) trong khi các CSGDDH khác có thể sử dụng mô hình ISO để sắp xếp và quản lý tài liệu của họ hoặc đưa các hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD-ĐT) vào hướng dẫn quản lý chất lượng của họ (Nguyen, 2012).

Có thể thấy rằng hiện nay khái niệm về BDCL bên trong khá linh hoạt và phụ thuộc vào bối cảnh của từng CSGDDH. Trong nghiên cứu này, BDCL bên trong được tiếp cận theo mô hình chất lượng phù hợp căn cứ vào tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chất lượng của CSGDDH và yêu cầu của các bên liên quan. Do đó, BDCL bên trong được hiểu là hệ thống các chính sách, cơ chế để vận hành một CSGDDH hoặc một chương trình đào tạo nhằm liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của CSGDDH và yêu cầu của các bên liên quan.

Theo định nghĩa này hoạt động BDCL bên trong được triển khai trên cơ sở quy trình PDCA với sự tham gia của các bên liên quan bên trong và bên ngoài được xác định dựa trên tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của CSGDDH.

2.1.2. Hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong

Các định nghĩa về BDCL bên trong của các tác giả được đề cập ở trên đều có điểm tương đồng là đều xem xét BDCL bên trong như một hệ thống.

AUN – QA, trong số tay hướng dẫn đánh giá chất lượng cấp chương trình đào tạo, giới thiệu mô hình hệ thống BDCL bên trong gồm các thành tố cơ bản như: Các yếu tố chung (chiến lược, chính sách, cơ chế, quy trình); Các công cụ giám sát (Giám sát việc đánh giá của sinh viên; Theo dõi sự tiến bộ của sinh viên; Giám sát tỷ lệ tốt nghiệp/bỏ học; Giám sát phản hồi có tổ chức từ thị trường lao động và cựu sinh viên; Giám sát số lượng ấn phẩm của giảng viên và số lượng công trình khoa học được tài trợ); công cụ đánh giá (Hoạt động đào tạo (chương trình đào tạo, tổ chức và quản lý đào tạo, bằng cấp...); Hoạt động nghiên cứu khoa học; Dịch vụ cộng đồng); quy trình BDCL đặc biệt (quy trình đánh giá sinh viên, đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất và hoạt động hỗ trợ sinh viên...) và các công cụ BDCL riêng biệt (SWOT, thẩm định nội bộ, hệ thống thông tin, và số tay chất lượng). (AUN – QA, 2011), (AUN – QA, 2015), (AUN – QA, 2020). Cũng theo AUN – QA, hệ thống BDCL bên trong là toàn bộ hệ thống, nguồn lực và thông tin dành cho việc thiết lập, duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn giảng dạy, học tập, nghiên cứu và dịch vụ cho cộng đồng. Như vậy có thể hiểu hệ thống BDCL bên trong của một CSGDDH bao gồm các chính sách, cơ chế, các quy trình, các công cụ giám sát, công cụ đánh giá cũng như các công cụ riêng biệt khác và cơ cấu nhân sự để vận hành các chính sách, cơ chế, quy trình bằng cách sử dụng các công cụ kể trên nhằm liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu chiến lược của CSGDDH và yêu cầu của các bên liên quan.

Ở Việt Nam, Theo thống kê của Bộ Giáo dục và Đào tạo, hơn 90% các trường đại học đã thành lập đơn vị hoặc bộ phận chuyên trách về BDCL (Hien & Huong, 2022), đây là hạt nhân của hệ thống BDCL bên trong, là đơn vị được giao trách nhiệm vận hành hệ thống và điều phối các hoạt động BDCL bên trong. Tuy nhiên tùy vào bối cảnh của từng CSGDDH, lực lượng nhân sự tham gia vào hệ thống BDCL bên trong có thể khác nhau và chức năng nhiệm vụ của đơn vị chuyên trách về BDCL bên trong cũng sẽ khác nhau giữa các trường đại học.

Nguyễn Thế Anh và các cộng sự đã kết luận trong một nghiên cứu của mình rằng một hệ thống BDCL bên trong được vận hành một cách hiệu quả khi đạt được 2 mục tiêu cơ bản: (i) đáp ứng các tiêu chuẩn của các tổ chức kiểm định chất lượng bên ngoài; và (ii) thực hiện việc đạt được sứ mệnh, tầm nhìn và mục tiêu của cơ sở giáo dục (Anh & et al, 2019).

Nói cách khác, tùy vào mục tiêu chất lượng mà CSGDDH hướng đến, các tổ chức BDCL/Kiểm định chất lượng sẽ trở thành những bên liên quan bên ngoài của Nhà trường và hệ thống BDCL bên trong của Nhà trường cần phải đáp ứng các tiêu chuẩn của các tổ chức này nhằm tìm kiếm sự công nhận của họ, từ đó đạt được mục tiêu chất lượng của Nhà trường.

2.2. Các bộ tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng phổ biến ở Việt nam

Hiện nay, ngoài bảy trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục trong nước kiểm định các chương trình đào tạo theo bộ tiêu chuẩn của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành trong Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, ở Việt Nam còn có 10 tổ chức BDCL/kiểm định chất lượng của nước ngoài tham gia đánh giá/kiểm định chất lượng cấp chương trình đào tạo và cấp CSGDDH. Các tổ chức BDCL/kiểm định chất lượng này hoạt động dựa trên các bộ tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng khác nhau. Bảng 1 dưới đây thống kê các tiêu chuẩn kiểm định của các tổ chức kiểm định có hoạt động tại Việt Nam. Tùy vào bộ tiêu chuẩn, các tiêu chuẩn có thể được phân cấp thành các tiêu chí nhỏ và thậm chí có thể phân cấp thành các tiêu tiêu chí để có thể đánh giá một cách chi tiết các hoạt động của CTĐT hoặc CSGD.

Bảng 1. Các tiêu chuẩn kiểm định/đánh giá CTĐT của các tổ chức kiểm định/đánh giá chất lượng hoạt động tại Việt Nam

STT	Tên tổ chức	Số tiêu chuẩn	Nội dung các tiêu chuẩn
1	Bộ Giáo dục và Đào tạo	11	Mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; Bảng mô tả chương trình đào tạo; Nội dung và cấu trúc chương trình dạy học; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập người học; Đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên; Đội ngũ nhân viên; Người học và hoạt động hỗ trợ người học; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Nâng cao chất lượng; Kết quả đầu ra (Bộ GDĐT, 2016)
2	AUN – QA (Mạng lưới BDCL các trường đại học ASEAN)	8	Chuẩn đầu ra; Nội dung và cấu trúc chương trình; Phương pháp tiếp cận trong dạy và học; Đánh giá kết quả học tập người học; Đội ngũ giảng viên; Dịch vụ hỗ trợ sinh viên; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Kết quả đầu ra (AUN – QA, 2020)
3	ABET (Hội đồng Kiểm định Kỹ thuật và Công nghệ, Hoa Kỳ)	8	Sinh viên; Mục tiêu đào tạo; Chuẩn đầu ra; Liên tục cải tiến; Chương trình dạy học; Đội ngũ; Cơ sở vật chất và trang thiết bị; Hỗ trợ của nhà trường (ABET, 2019)
4	ASIIN (Tổ chức kiểm định các CTĐT khối kỹ thuật, công nghệ thông tin, khoa học tự nhiên và toán)	5	Chương trình đào tạo: Khái niệm, nội dung và thực hiện; Kiểm tra đánh giá: hệ thống, quan niệm và tổ chức; Nguồn lực; Sự minh bạch và văn bản hóa; Quản lý chất lượng: đánh giá và cải tiến chất lượng (Asiin, 2021)
5	FIBAA (Quỹ Kiểm định các chương trình Quản trị kinh doanh quốc tế)	5	Mục tiêu đầu ra của chương trình; Cách thức tuyển sinh; Nội dung và cấu trúc chương trình đào tạo, trong đó chú trọng đến tính quốc tế hóa; Môi trường học thuật và điều kiện hỗ trợ học tập; Đảm bảo chất lượng và hệ thống lưu trữ tài liệu (FIBAA, 2020)
6	ACBSP (Hội đồng Kiểm định các trường và CTĐT về kinh doanh, Hoa Kỳ)	7	Công tác lãnh đạo; Hoạch định chiến lược; Sinh viên và các bên liên quan; Đo lường và phân tích chuẩn đầu ra và năng lực sinh viên; Cán bộ, giảng viên; Hiệu quả kinh doanh của CSGD (https://acbsp.org/page/accreditation-standards)
7	AMBA (Hiệp hội MBA)	10	Hồ sơ; Tính toàn vẹn, tính bền vững và tính khác biệt của cơ sở giáo dục; Giảng viên; Thiết kế chương trình và lãnh đạo; Trải nghiệm của sinh viên; Năng lực, phẩm chất sinh viên tốt nghiệp và chuẩn đầu ra; Chiều rộng và chiều sâu của chương trình giảng dạy; Kiểm tra đánh giá chặt chẽ & phù hợp; dịch vụ & tương tác; Tác động & Học tập suốt đời (AMBA, 2016)
8	IACBE (Hội đồng kiểm định quốc tế các trường đại học đào tạo Kinh doanh)	9	Cam kết liên chính, trách nhiệm và hành vi đạo đức; Đánh giá và nâng cao chất lượng; Hoạch định chiến lược; Chương trình và cơ hội học tập; Đặc điểm, hoạt động và quy trình của khoa; Chính sách, Thủ tục và Quy trình dành cho sinh viên; Tài nguyên Hỗ trợ Chương trình; Mạng lưới đối tác; Đổi mới (IACBE, 2016)
9	ENAE (Mạng lưới kiểm định đào tạo kỹ thuật của châu Âu)	5	Mục tiêu của chương trình; Quá trình dạy và học; Nguồn lực; Sinh viên nhập học, chuyển trường, chuyển tiếp và tốt nghiệp; Đảm bảo chất lượng bên trong (ENAE, 2021)

10	HCERES (Hội đồng cấp cao về đánh giá nghiên cứu và giáo dục đại học Pháp)	4	Chính sách và đặc điểm đào tạo; Tổ chức sự phạm chương trình học; Tính hấp dẫn, hiệu suất và sự liên quan của chương trình nghiên cứu; Quản lý chương trình học và liên tục cải tiến (HCERES, 2018)
11	CTI (Ủy ban Văn bằng Pháp)	6	Sứ mệnh và tổ chức (cơ sở/trường/đào tạo); Thành lập và các đối tác (cơ sở/trường/đào tạo); Tuyển sinh kỹ sư; Đào tạo kỹ sư; Việc làm của kỹ sư; Giải pháp chất lượng và cải thiện liên tục (CTI, 2022)

Nhìn chung, mỗi tổ chức kiểm định/đánh giá chất lượng giáo dục có những yêu cầu khác nhau mà các CTĐT nếu muốn đạt chứng nhận cần phải tuân thủ. Tuy nhiên, nhìn chung các tiêu chuẩn, yêu cầu của các tổ chức kiểm định đều có thể chia thành 2 nhóm: Nhóm các tiêu chuẩn về đặc trưng của CTĐT chẳng hạn như: Mục tiêu, chuẩn đầu ra, nội dung, cấu trúc chương trình đào tạo, hoạt động dạy học, kiểm tra đánh giá kết quả học tập và nhóm về các tiêu chuẩn chung chẳng hạn như: Công tác lãnh đạo, hoạch định chiến lược, sự hỗ trợ của nhà trường, kiểm soát và cải tiến chất lượng, quy trình thủ tục và các chính sách hay hệ thống lưu trữ tài liệu.

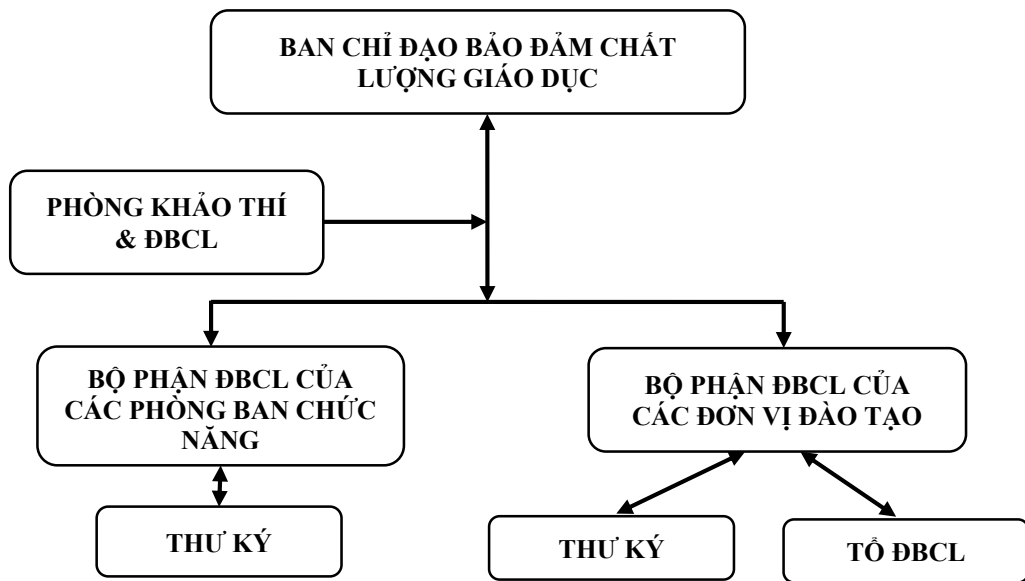
Ngoài ra, các bộ tiêu chuẩn của các tổ chức khác nhau mặc dù có những yêu cầu cụ thể khác nhau, nhưng nhìn chung đều tập trung vào 3 vấn đề lớn của CTĐT: Thiết kế và vận hành chương trình đào tạo, các nguồn lực và hệ sinh thái của CTĐT, kết quả và đầu ra của CTĐT.

Việc nghiên cứu nội hàm của các bộ tiêu chuẩn BĐCL sẽ giúp các CTĐT lựa chọn được những tổ chức kiểm định phù hợp với điều kiện thực tế của mình thì sẽ có nhiều lợi thế hơn trong việc tìm kiếm sự công nhận. Mặt khác, nghiên cứu nội hàm của các bộ tiêu chuẩn sớm sẽ giúp các CTĐT phát hiện sớm khoảng cách giữa thực trạng của CTĐT với các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn, từ đó có thể tiến hành các hoạt động cải tiến phù hợp để đáp ứng yêu cầu kiểm định. Ví dụ, các CTĐT muốn đạt chứng nhận ABET thì ngoài việc chuẩn đầu ra, nội dung cấu trúc của chương trình phải đáp ứng yêu cầu của từng Ủy ban cụ thể thì CTĐT cần hoàn thành 2 chu kỳ cải tiến liên tục. Vì vậy, các CTĐT định hướng kiểm định theo tiêu chuẩn ABET cần phải xác định xem chương trình của mình thuộc Ủy ban nào và tiến hành rà soát, cải tiến để đảm bảo đáp ứng yêu cầu về chuẩn đầu ra và các nội dung chủ đề đào tạo cần thiết theo quy định của Ủy ban. Đồng thời, CTĐT cũng cần xây dựng kế hoạch để cải tiến liên tục, thông thường 2 chu kỳ cải tiến liên tục sẽ mất từ 2 đến 4 năm để hoàn thành.

3. XÂY DỰNG HỆ THỐNG BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG BÊN TRONG TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHIỆP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Mô hình hệ thống bảo đảm chất lượng của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh

Trong những năm qua Nhà trường đã từng bước xây dựng và kiện toàn hệ thống BĐCL bên trong bao gồm việc xây dựng và kiện toàn hệ thống các văn bản quản lý về công tác BĐCL như các chính sách, chiến lược BĐCL, các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn về BĐCL, các công cụ giám sát, công cụ đánh giá và kiện toàn hệ thống nhân sự làm công tác BĐCL ở cả cấp CSGD và cấp CTĐT nhằm hướng đến liên tục đánh giá, đo lường, kiểm soát, duy trì và cải thiện chất lượng của mọi hoạt động chính yếu của nhà trường bao gồm đào tạo, nghiên cứu khoa học và kết nối, phục vụ cộng đồng. Hệ thống nhân sự làm công tác BĐCL bên trong của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh bao gồm các cán bộ chuyên trách và cả các cán bộ kiêm nhiệm làm việc ở đơn vị chuyên trách và ở tất cả các đơn vị đào tạo và đơn vị hành chính của Nhà trường như được mô tả trong Hình 3.1.



Hình 3.1. Sơ đồ nhân sự của hệ thống ĐBCL bên trong của Trường ĐHCN TP HCM

3.2. Các giải pháp xây dựng hệ thống bảo đảm chất lượng bên trong tại Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đáp ứng yêu cầu của các bộ tiêu chuẩn bảo đảm chất lượng cấp chương trình đào tạo khác nhau

Bảo đảm chất lượng được xem là một trong những hoạt động trọng tâm của Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh. Trong những năm qua, Ban Giám hiệu nhà trường luôn thể hiện cam kết mạnh mẽ đối với công tác này. Hoạt động ĐBCL luôn nhận được sự quan tâm sâu sát, chỉ đạo kịp thời và tạo mọi điều kiện thuận lợi của Ban Giám hiệu. Kết quả hiện nay, trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh đã có 26 CTĐT đạt chứng nhận kiểm định của các tổ chức trong và ngoài nước. Trong đó có 8 CTĐT đạt chứng nhận theo Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT, 12 CTĐT đạt chứng nhận của AUN – QA và 6 CTĐT đạt chứng nhận 6 năm của ABET. Với định hướng nâng cao chất lượng đào tạo ngang tầm với các CTĐT trong khu vực và trên thế giới, trong thời gian tới, Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh sẽ tiếp tục tìm kiếm sự công nhận của các tổ chức kiểm định chất lượng quốc tế và sẽ đăng ký kiểm định với nhiều tổ chức khác nhau. Do đó, để giúp cho các đơn vị đào tạo và các CTĐT tiết kiệm thời gian và nguồn lực thì hệ thống ĐBCL bên trong của trường phải được đầu tư xây dựng và phát triển phù hợp. Trong bối cảnh nhà trường theo đuổi chứng nhận ĐBCL của nhiều tổ chức khác nhau thì hệ thống ĐBCL bên trong phải đủ mạnh mẽ và linh hoạt để đáp ứng được các yêu cầu khác nhau của các tổ chức kiểm định. Như đã trình bày ở trên, tuy mỗi hệ thống kiểm định đều có một bộ tiêu chuẩn và các yêu cầu cụ thể khác nhau nhưng nhìn chung, các bộ tiêu chuẩn và các yêu cầu đều nhằm hướng tới việc nâng cao chất lượng một cách bền vững. Để đạt chứng nhận kiểm định của một tổ chức nào đó, thông thường các CTĐT sẽ tiến hành tự đánh giá để xác định khoảng cách giữa thực tế của CTĐT và các yêu cầu của bộ tiêu chuẩn, từ đó đề xuất và thực hiện các giải pháp để vượt qua khoảng cách này. Cách làm này chỉ hiệu quả đối với một hệ thống kiểm định. Đối với các trường đại học nếu muốn đáp ứng cùng lúc nhiều bộ tiêu chuẩn khác nhau thì cần có các giải pháp căn cơ hơn, các giải pháp này không tập trung vào các tiêu chuẩn, tiêu chí cụ thể của một hệ thống ĐBCL mà nên tập trung vào phát triển và nâng cao năng lực của hệ thống ĐBCL bên trong của Nhà trường. Trên cơ sở nghiên cứu về ĐBCL, hệ thống ĐBCL bên trong và các bộ tiêu chuẩn kiểm định chất lượng của các tổ chức kiểm định/ đánh giá chất lượng đang hoạt động tại Việt Nam, một số biện pháp có thể thực hiện ở Trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh để nâng cao năng lực của hệ thống ĐBCL bên trong, đáp ứng đồng thời yêu cầu của các tổ chức kiểm định được đề xuất dưới đây.

3.2.1. Xây dựng mạng lưới nhân sự làm công tác ĐBCL

Công tác ĐBCL không thể thành công nếu không có sự chung tay góp sức của tất cả các cá nhân và tập thể. ĐBCL cấp chương trình đào tạo không phải là việc riêng của một CTĐT hay một đơn vị đào tạo. Mạng

lưới nhân sự làm công tác BĐCL nên được xây dựng một cách có hệ thống và đồng bộ ở tất cả các đơn vị. Hệ thống này cũng cần phải vận hành một cách trôi chảy và phản ứng nhanh nhẹn trước các yêu cầu của công tác BĐCL.

Cơ chế vận hành và phối hợp giữa các bộ phận trong hệ thống nhân sự cũng nên được xác định và triển khai. Điều này sẽ tránh được việc các bộ phận hoạt động chồng chéo gây lãng phí hoặc thiếu người chịu trách nhiệm ở một khâu, một lĩnh vực nào đó.

Một mạng lưới nhân sự được thành lập và vận hành trôi chảy, phối hợp nhịp nhàng sẽ hỗ trợ kịp thời và hiệu quả cho các CTĐT để đáp ứng yêu cầu của các tổ chức kiểm định khác nhau. Ví dụ yêu cầu về tính quốc tế hóa của CTĐT cần có sự phối hợp của phòng Tổ chức – Hành chính trong khâu tuyển dụng và hợp đồng giảng viên quốc tế, phòng Quản lý Khoa học và Hợp tác quốc tế trong khâu liên kết hợp tác với các CSGD ở nước ngoài, Viện Đào tạo Quốc tế và Sau Đại học trong việc tuyển sinh sinh viên nước ngoài và năng lực ngoại ngữ của tất cả giảng viên, chuyên viên ở các đơn vị có phục vụ sinh viên, giảng viên là người nước ngoài.

3.2.2. Đào tạo đội ngũ nhân lực làm công tác BĐCL

Như đã phân tích trong mục 2.2., am hiểu về các yêu cầu kiểm định giáo dục của các tổ chức kiểm định sẽ giúp cho CTĐT tránh được việc lãng phí thời gian và nguồn lực để “thử và sai”. Vì vậy, đội ngũ nhân sự làm công tác BĐCL cần được đào tạo bồi dưỡng để phát triển năng lực phù hợp. Khi xác định sẽ kiểm định/đánh giá chất lượng CTĐT theo tiêu chuẩn của tổ chức nào, nhà trường nên cử cán bộ giảng viên tham gia các lớp đào tạo, tập huấn hoặc các hội nghị hội thảo phù hợp. Việc đào tạo đội ngũ sẽ giúp đội ngũ nhân sự làm công tác BĐCL hiểu biết sâu sắc hơn nội hàm và các yêu cầu của tổ chức kiểm định/đánh giá mà mình hướng đến. Từ đó có thể thực hiện hoạt động tự đánh giá hiệu quả hơn và đưa ra các khuyến nghị xác đáng hơn để đáp ứng các yêu cầu.

Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân sự cũng là một biện pháp hiệu quả và tiết kiệm hơn so với việc thuê chuyên gia tư vấn. Bởi vì hoạt động BĐCL là một hoạt động liên tục không có điểm kết thúc, chuyên gia tư vấn có thể hỗ trợ tự đánh giá, đưa ra các khuyến nghị cải tiến để đáp ứng một bộ tiêu chuẩn cụ thể ở một thời điểm cụ thể. Sau đó, nhà trường cần phải tiếp tục vận hành và cải tiến để đảm bảo CTĐT được liên tục nâng cao chất lượng, đáp ứng các yêu cầu của tổ chức kiểm định/đánh giá ở các chu kỳ tiếp theo.

Nguồn nhân lực là một nguồn lực đặc biệt mà khi càng sử dụng, càng mài giũa thì chất lượng càng tăng. Do đó đầu tư vào công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực làm công tác BĐCL là một đầu tư lâu dài và càng về sau hiệu quả mang lại sẽ càng lớn. Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ nhân sự còn có thêm tác dụng lan tỏa văn hóa chất lượng trong nhà trường. Vì vậy, ngoài việc cử cán bộ làm công tác BĐCL ra ngoài học tập, nhà trường cũng nên chú ý đến công tác đào tạo nội bộ bên trong nhà trường. Các hội thảo chia sẻ thực hành tốt, chia sẻ kinh nghiệm thành công hoặc các lớp tập huấn về công tác BĐCL được nhà trường tổ chức vừa tiết kiệm chi phí, vừa nâng cao năng lực của đội ngũ đồng thời cũng giúp lan tỏa năng lượng tích cực và văn hóa chất lượng trong nhà trường.

3.2.3. Thực hiện chu trình cải tiến liên tục ở tất cả các hoạt động và bộ phận bên trong nhà trường

Tất cả các bộ tiêu chuẩn BĐCL đều có nội dung về nâng cao chất lượng hoặc cải tiến liên tục. Việc trường đại học xây dựng và thực hiện chu trình cải tiến liên tục sẽ giúp nhà trường nâng cao chất lượng mọi hoạt động và đồng thời giúp các CTĐT của nhà trường đáp ứng tiêu chuẩn này của các tổ chức kiểm định/đánh giá chất lượng mà họ theo đuổi.

Chu trình cải tiến liên tục phổ biến và dễ thực hiện là chu trình PDCA. Nhà trường cần đảm bảo rằng các hoạt động của các bộ phận, đơn vị trong nhà trường diễn ra theo bốn bước: lập kế hoạch – triển khai – đánh giá kết quả - cải tiến. Thực hành thường xuyên và đồng bộ chu trình này chính là một cách hiệu quả để nhà trường tự đánh giá hiệu quả hoạt động của mình và đánh giá các tác động của các biện pháp nâng cao chất lượng mà mình thực hiện.

Thực hiện chu trình PDCA cũng giúp nhà trường có các cơ sở vững chắc để đưa ra các quyết định và biện pháp nâng cao chất lượng bởi khi thực hiện chu trình này, sau khi triển khai các kế hoạch đều có bước đánh giá kết quả và xem xét lại hiệu quả của kế hoạch đã đề ra. Việc làm này vừa giúp nhà trường tìm ra các điểm tích cực và các điểm cần cải thiện trong kế hoạch đã xây dựng. Các biện pháp và hành động cải tiến thường được đề xuất từ các điểm cần cải thiện trong kế hoạch trước đó. Việc đánh giá hiệu quả của các chính sách, quy trình, thủ tục cũng giúp nhà trường có cơ sở để tiếp tục duy trì hay cải tiến, thay đổi các chính sách, quy trình, thủ tục của mình để nâng cao hiệu quả hoạt động.

3.2.4. Quản lý chất lượng đào tạo toàn diện bắt đầu từ cấp độ môn học

Một trong các yêu cầu của các tiêu chuẩn BĐCL của tất cả các tổ chức kiểm định/ đánh giá là quản lý chất lượng đào tạo. Tùy vào quan điểm của từng tổ chức mà việc quản lý chất lượng có thể được yêu cầu từ cấp độ chương trình (đo chuẩn đầu ra chương trình, quản lý tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ có việc làm, đánh giá phản hồi của các bên liên quan về CTĐT) hoặc ở từ cấp độ môn học (chuẩn đầu ra, nội dung, phương pháp giảng dạy và kiểm tra đánh giá kết quả học tập của môn học).

Việc quản lý chất lượng đào tạo chỉ có ý nghĩa khi đơn vị vận hành CTĐT xác định được đúng các điểm cần cải thiện để nâng cao chất lượng đào tạo của chương trình. Việc quản lý chất lượng đào tạo từ cấp độ môn học sẽ giúp CTĐT dễ dàng xác định các điểm yếu của chương trình để có các biện pháp cải tiến phù hợp. Ví dụ như, CTĐT nhận được phản hồi từ doanh nghiệp rằng khả năng làm việc nhóm của sinh viên tốt nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu làm việc. Bộ phận quản lý CTĐT có thể rà soát trong chuẩn đầu ra và cấu trúc CTĐT xem đã chú trọng đúng mức việc đào tạo kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên hay chưa? Kết quả đánh giá về kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên ở cấp độ chương trình đào tạo có đáp ứng chỉ tiêu mà chương trình đề ra hay không? Nếu chưa đáp ứng chỉ tiêu thì việc đào tạo kỹ năng làm việc nhóm cho sinh viên ở các môn học nào cần được cải thiện? Hoặc chương trình cần bổ sung hoạt động làm việc nhóm cho sinh viên ở các môn học nào hay nên tổ chức thêm các hoạt động ngoại khóa để giúp sinh viên tăng cường khả năng làm việc nhóm.

Để quản lý chất lượng đào tạo từ cấp độ môn học, nhà trường cần xây dựng mẫu báo cáo môn học và yêu cầu mỗi giảng viên hoàn thành báo cáo môn học ở cuối khóa học. Việc làm này giúp giảng viên thống kê được tỷ lệ sinh viên đạt chuẩn đầu ra môn học của mình và đánh giá được những chuẩn đầu ra nào đạt chỉ tiêu, những chuẩn đầu ra nào cần được cải thiện. Qua báo cáo môn học, giảng viên cũng sẽ xác định được các hoạt động dạy học và kiểm tra đánh giá được triển khai có thực sự tương thích và giúp sinh viên đạt chuẩn đầu ra môn học hay không? Các vấn đề có thể cải tiến để nâng cao chất lượng và hiệu quả dạy học là gì? Từ đó có cơ sở để cải tiến liên tục đối với môn học và nâng cao chất lượng đào tạo của CTĐT.

3.2.5. Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng nội bộ

Việc đối sánh là một việc làm không thể thiếu nhằm đánh giá chất lượng đào tạo và xác định vị thế của CTĐT trong một bối cảnh cụ thể. Có nhiều cách đối sánh có thể kể đến như: Tự đối sánh (đối sánh các thông tin của bản thân CTĐT theo thời gian); đối sánh nội bộ (đối sánh các thông tin của CTĐT với các CTĐT khác trong cùng một CSGD); đối sánh ngoài (đối sánh các thông tin của CTĐT với các CTĐT tương tự khác trong và ngoài nước).

Tuy nhiên, công tác đối sánh chỉ có thể thực hiện được khi chương trình có đầy đủ các thông tin cần thiết. Do đó, xây dựng và vận hành hệ thống thông tin BĐCL nội bộ của một CSGD có ý nghĩa hết sức quan trọng. Một hệ thống thông tin BĐCL toàn vẹn và sẵn sàng sẽ giúp cho các CTĐT quản lý thông tin một cách khoa học và hiệu quả. Đồng thời hệ thống này cũng sẽ thực hiện việc phân tích thông tin và đối sánh một cách tự động. Điều này sẽ giúp các CTĐT tiết kiệm thời gian và nguồn lực trong việc quản lý thông tin, phân tích và tiến hành đối sánh.

Ngoài ra, hệ thống thông tin BĐCL nội bộ còn giúp cho CSGD và các CTĐT quản lý được các chỉ số và chỉ tiêu chính để giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược. Hệ thống này còn có chức năng hỗ trợ ra quyết định dựa trên việc phân tích số liệu. Điều này sẽ giúp cho các quyết định đưa ra có cơ sở và hiệu quả hơn.

4. KẾT LUẬN

Trong bối cảnh hội nhập và quốc tế hóa công tác giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học như hiện nay và yêu cầu kiểm định chất lượng CTĐT để có thể duy trì ngành ở Việt Nam. Nhiều trường đại học đã và đang tìm kiếm sự công nhận của nhiều tổ chức kiểm định/đánh giá chất lượng trong và ngoài nước cho các CTĐT của mình.

Để duy trì chất lượng đào tạo một cách bền vững ở các trường đại học, cần phát triển hệ thống BĐCL bên trong một cách mạnh mẽ và lan tỏa văn hóa BĐCL. Bài báo này đề xuất 5 biện pháp xây dựng và phát triển hệ thống BĐCL bên trong tại trường Đại học Công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh nhằm đáp ứng yêu cầu của nhiều tổ chức kiểm định/đánh giá chất lượng trong và ngoài nước bao gồm: Xây dựng mạng lưới nhân sự làm công tác BĐCL; Đào tạo đội ngũ nhân lực làm công tác BĐCL; Thực hiện chu trình cải tiến liên tục ở tất cả các hoạt động và bộ phận bên trong nhà trường; Quản lý chất lượng đào tạo toàn diện bắt đầu từ cấp độ môn học và Xây dựng và vận hành hệ thống thông tin bảo đảm chất lượng nội bộ.

Các biện pháp trên đây không những giúp phát triển năng lực của hệ thống BDCL bên trong của nhà trường mà còn giúp lan tỏa văn hóa chất lượng. Các biện pháp này không tập trung vào một bộ tiêu chuẩn BDCL cụ thể nào mà hoàn toàn tập trung vào đối tượng chính là hệ thống BDCL bên trong của nhà trường và thực hành công tác BDCL. Khi việc thực hành công tác BDCL của nhà trường trở nên thuần thực và có hiệu quả thì văn hóa chất lượng của nhà trường sẽ được hình thành và có sức lan tỏa. Khi ấy, hệ thống BDCL bên trong của nhà trường cũng trở nên mạnh mẽ và hoạt động hiệu quả hơn.

Các biện pháp trên không những giúp Nhà trường liên tục cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo mà còn hỗ trợ các CTĐT kiểm định/đánh giá thành công theo các bộ tiêu chuẩn trong nước, khu vực và quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- ABET Applied and Natural Science Accreditation Commission. (2019). *Criteria for accrediting Applied and Natural Science programs*. USA: ABET.
- ABET Engineering Accreditation Commission. (2019). *Criteria for accrediting engineering programs*. USA: ABET.
- ABET computing Accreditation Commission. (2019). *Criteria for accrediting Computing programs*. USA: ABET.
- ABET Engineering Accreditation Commission. (2019). *Criteria for accrediting Engineering Technology programs*. USA: ABET
- AMBA. (2016). *MBA accreditation criteria*. London. Association of MBAs.
- Anh, N.T. & et al. (2019). Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong tích hợp (integrated Internal Quality Assurance - iIQA) – một cách tiếp cận mới trong việc xây dựng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong của các trường đại học Việt Nam, *Tạp chí Kinh tế Đối ngoại*, 115, 95 – 108.
- Ansah, F. (2016). Conceptualising External and Internal Quality Assurance in Higher Education: A Pragmatist Perspective. *International Journal of African Higher Education*, 2(1), 135-152, <https://doi.org/10.6017/ijahe.v2i1.9261>
- AUN – QA. (2011). *Guide to AUN Actual Quality Assessment at Programme Level version 2.0*. Bangkok: AUN
- AUN – QA. (2015). *Guide to AUN Actual Quality Assessment at Programme Level version 3.0*. Bangkok: AUN
- AUN – QA. (2020). *Guide to AUN Actual Quality Assessment at Programme Level version 4.0*. Bangkok: AUN
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2016). *Thông tư 04/2016/TT-BGDĐT ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục đại học*. Hà Nội.
- ASIIN. (2021). *Criteria for the Accreditation of Degree Programmes ASIIN Quality Seal*, German, Asiin.
- CTI. (2022). *Bachelor en Sciences et Ingénierie des écoles d'ingénieurs accréditées à délivrer le titre d'ingénieur diplômé*, France, Commission des Titres d'Ingénieur.
- ENAE. (2021). EUR - ACE® framework standards and guidelines, ENAE.
- European University Association, Quality Culture in European Universities: A Bottom-up approach - Report on the Three Rounds of the Quality Culture Project 2002 - 2006, <https://eua.eu/downloads/publications/quality%20culture%20in%20european%20universities%20a%20bottom-up%20approach.pdf/>, 2006 (accessed on: September 9th 2013).
- Fibaa. (2020). *Assessment Guide for the Accreditation of Programmes in Management Studies, Economics, Law and Social Sciences by FIBAA*. Fibaa.
- HCERES. (2018). *D03 - référentiel hcéres pour l'évaluation externe d'une formation*, France, Hceres.
- Hien, T.T.T. & Huong, N.T.T. (2022). Văn hóa chất lượng: Yếu tố bảo đảm chất lượng bên trong trường đại học. *VNU Journal of Science: Education Research*, 38 (1), 50-59.
- IACBE. (2016). *Accreditation Principles and Evaluation Criteria for the Accreditation of Accounting Programs*, USA: IACBE
- Michaela, M. & Antony, S. (2007). *External quality assurance in higher education: making choices*. Paris: IIEP-UNESCO
- Michaela, M. (2018). *Internal Quality Assurance: Enhancing higher education quality and graduate employability*. New trends in higher education. Paris: IIEP-UNESCO.
- Nguyen, T. (2012). *Internal quality assurance in Vietnam higher education: the influence by international projects*. Master thesis, University of Twente.

Pham, N. T. T., & Nguyen, B. T. T. (2021). Internal Quality Assurance of Institutional Learning Outcomes: United States Case Study and Implications for Vietnam Higher Education. *Vietnam Journal of Education*, 5(2), 1–9. <https://doi.org/10.52296/vje.2021.56>

Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. (2018). Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học số 34/2018/QH14, Hà Nội.

Vlăsceanu, L.; Grünberg, L.; Pârlea, D. 2007. *Quality assurance and accreditation: A glossary of basic terms and definitions*. Bucharest: UNESCO.

<https://acbsp.org/page/accreditation-standards>

BUILDING THE INTERNAL QUALITY ASSURANCE SYSTEM AT THE INDUSTRIAL UNIVERSITY OF HO CHI MINH CITY TO MEET THE REQUIREMENTS OF DIFFERENT SETS OF QUALITY ASSURANCE CRITERIA

ĐỖ KHOA THÚY KHA

*Office of Human Resources and Administration, Industrial University of Ho Chi Minh City;
dokhoathuykha@iuh.edu.vn*

Abstract. Quality assurance in higher education has become a mandatory condition for maintaining study programs in Vietnam. According to the Ministry of Education and Training statistics, ten regional and international accreditation/assessment organizations have operated in Vietnam. In recent years, the trend of Vietnamese universities seeking recognition from more than one domestic and foreign accrediting organization has been increasing. Building a robust internal quality assurance system is one of the solutions for the sustainable quality of institutions. This article studies the internal quality assurance system of universities, analyzes the quality assurance criteria of accrediting organizations operating in Vietnam, and proposes solutions to build an internal quality assurance system at the Industrial University of Ho Chi Minh City to meet the requirements of different sets of quality assurance criteria.

Keywords. Quality assurance, Internal quality assurance system, Quality accreditation.

Ngày nhận bài: 08/01/2023

Ngày chấp nhận đăng: 06/03/2023